TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 22/5/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cao Nho Trí

- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa:* Bà Vũ Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 29/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố LH, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoài T, sinh năm: 1961; địa chỉ: 106 Đường X, phường VP, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa – đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 1057, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD, được công chứng ngày 28/02/2023 tại Văn phòng công chứng TA. *Ông T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm: 1977; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố NX, phường CPN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên hệ cuối cùng: Tổ dân phố LH, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Bà Phạm Thị H1 và bà Lê Thị Kim H quen biết làm ăn với nhau từ năm 2012 nên bà cho bà Lê Thị Kim H vay nhiều lần tiền. Ngày 31/10/2017 bà yêu cầu bà Lê Thị Kim H đến nhà để chốt tổng số nợ từ những năm trước năm 2017 là 10.800.000.000 đồng. Bà và bà Lê Thị Kim H

vay nhiều lần tiền. Ngày 31/10/2017 bà yêu cầu bà Lê Thị Kim H có lập giấy vay ghi tổng số tiền vay đến ngày 31/10/2017 là 14.860.000.000 đồng *(Mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng)* và tiền lãi 622.000.000 đồng. Sau đó, dù bà liên tục đến nhà bà Lê Thị Kim H đòi tiền và bà Lê Thị Kim H hứa hẹn trả nhưng không trả. Bà Lê Thị Kim H đã trả cho bà một phần nợ gốc như sau:

- Ngày 01/11/2017 trả 200.000.000 đồng.

- Ngày 30/11/2017 trả 320.000.000 đồng.

(Đối với 2 khoản này bà và bà Lê Thị Kim H có ký xác nhận theo tài liệu gửi kèm).

- Ngày 29/5/2018 trả 100.000.000 đồng

- Ngày 04/6/2018 trả 100.000.000 đồng

(Bà Lê Thị Kim H có xác nhận vào tài liệu gửi kèm)

- Ngày 30/6/2018 trả 120.000.000 đồng

- Ngày 31/7/2018 trả 100.000.000 đồng

(Bà Lê Thị Kim H có xác nhận vào tài liệu gửi kèm).

Tổng số nợ bà Lê Thị Kim H đã trả cho bà là 1.890.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng)*.

Bà có yêu cầu bà Lê Thị Kim H trả cho bà số tiền nợ (gốc + lãi) là 14.860.000.000 đồng. Nay bà xin điều chỉnh lại yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bà Lê Thị Kim H trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 13.465.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi xét xử với lãi suất 20%/năm trên số nợ gốc còn lại 12.970.000.000 đồng, cụ thể:

- Tiền gốc: 12.970.000.000 đồng;

- Tiền lãi tháng 9 và tháng 10/2017 trên số nợ gốc 14.860.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm là 495.000.000 đồng;

- Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi xét xử với lãi suất 20%/năm trên số nợ gốc còn lại 12.970.000.000 đồng (do từ 2017 đến 2022 bà Lê Thị Kim H có trả tiền cho bà nên bà không yêu cầu tiền lãi trong giai đoạn này).

Trước đó vì mục đích giúp đỡ bà Lê Thị Kim H nên bà hầu như chỉ tính lãi theo lãi suất ngân hàng. Nhưng vì bà Lê Thị Kim H vẫn không trả nợ nên ngày 31/10/217 bà và bà Lê Thị Kim H mới làm giấy chốt lãi thành 622.000.000 đồng và bà Lê Thị Kim H chỉ trả tiền nhỏ giọt cho bà, sau này bà toàn trừ vào tiền gốc chứ không tính lãi vì bà nghĩ đã chốt lãi 622.000.000 đồng cho bà Lê Thị Kim H.

Bị đơn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm

phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lê Thị Kim H trả lại số nợ gốc 12.970.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả lãi là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không xem xét. Bị đơn phải nộp chi phí tố tụng, án phí Dân sự theo quy định pháp luật. Tiếp tục giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền vay, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên việc Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập chồng bà Phạm Thị H1 là ông Nguyễn Ngọc N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông N khai rằng số tiền mà bà Phạm Thị H1 cho bà Lê Thị Kim H vay là tiền làm ăn riêng của bà, không liên quan gì đến không. Do đó, xác định ông N không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[5] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ là 14.860.000 đồng, tòa án thụ lý yêu cầu này của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và bản trình bày yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2023, nguyên đơn đã xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bà Lê Thị Kim H trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 13.465.000.000 đồng (trong đó có 12.970.000.000 đồng tiền gốc) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi xét xử với lãi suất 20%/năm trên số nợ gốc còn lại 12.970.000.000 đồng. Như vậy, việc điều chỉnh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn nằm trong phạm vi khởi

kiện ban đầu mà Tòa án thụ lý, phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn có vay nhiều lần từ trước đến năm 2017, đến ngày 31/10/2017, vì nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán không thành nên các bên có lập giấy vay chốt tổng số tiền vay đến ngày 31/10/2017 là 14.860.000.000 đồng *(Mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng)* và tiền lãi 622.000.000 đồng. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, từ ngày 01/11/2017 đến ngày 31/7/2018 bị đơn đã trả được tổng cộng 1.890.000.000 đồng, ghi trong giấy vở học sinh có chữ ký xác nhận của bị đơn.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và thu thập mẫu chữ ký, chữ ký bị đơn của nguyên đơn, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 01/2023/QĐ-TCGĐ ngày 11/4/2023. Ngày 28/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa có Kết luận giám định số 169/2023/KL-KTHS, kết luận: *chữ viết mang tên Lê Thị Kim H tại trang "1" và trang "2" trên tài liệu cần giám định so với chữ viết mang tên Lê Thị Kim H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra*. Do đó, đủ cơ sở để xác định được tính xác thực của chứng cứ vay tiền và chốt nợ gốc số tiền 14.860.000.000 đồng giữa bà Phạm Thị H1 và bà Lê Thị Kim H và số tiền gốc còn nợ là 12.970.000.000 đồng.

[8] Xét hợp đồng vay tiền theo tài liệu nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay không xác định thời hạn, có lãi. Từ tài liệu thể hiện nguyên đơn đã có yêu cầu bị đơn trả nợ và bị đơn cũng đã nhiều lần trả dần tiền nợ cho nguyên đơn. Trước khi khởi kiện, nguyên đơn cũng lập thông báo đòi nợ gửi bị đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu trả lãi vay: Qua các tài liệu và lời khai của nguyên đơn thể hiện giao dịch vay tiền có lãi. Như vậy lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn 20%/năm là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tháng 9 và tháng 10/2017 trên số dư nợ gốc 14.860.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm là 495.000.000 đồng; và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi xét xử (ngày 22/5/2023) tức 142 ngày với lãi suất 20%/năm trên số nợ gốc còn lại 12.970.000.000 đồng là 1.009.172.603 đồng. Tổng số nợ lãi là: 1.504.172.603 đồng.

[10] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2023 "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*" quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Phong tỏa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 36, tại thôn TT, xã CHĐ, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 1982m2 – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ phát hành DC 132929, số vào sổ

CS 01692, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28/6/2021 cho chủ sử dụng đất Lê Thị Kim H.

[11] Xét thấy biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên cần tiếp tục giữ nguyên để đảm bảo cho việc thi hành án. Đồng thời cần giữ nguyên việc phong tỏa tài khoản số 050053720762 đứng tên chủ tài khoản Lê Thị Kim H mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, số tiền phong tỏa 300.000.000 đồng theo quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 01/2023/QĐ-BPĐB ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí giám định là 6.900.000 đồng theo Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã tạm ứng số tiền này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[13] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 244 và Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Kim H phải trả cho bà Phạm Thị H1 số tiền nợ vay còn lại tổng cộng là 14.474.172.603 đồng (*Mười bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ ba đồng*), cụ thể: Tiền gốc: 12.970.000.000 đồng; Tiền lãi 1.504.172.603 đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Kim H không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 050053720762 đứng tên chủ tài khoản Phạm Thị H1 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, số

tiền phong tỏa 300.000.000 đồng theo quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 01/2023/QĐ-BPĐB ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Kim H phải hoàn trả cho bà Phạm Thị H1 số tiền chi phí giám định là 6.900.000 đồng (*Sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*).

3. Án phí:

- Bà Lê Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 122.474.000 đồng *(Một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)*.

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị H1 tạm ứng án phí là 61.430.000 đồng *(Sáu mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000434 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

4. Quy định:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu